

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/HS-PT
Ngày 18 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Thẩm phán

: Ông **Trần Hữu Viên**

: Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Chiến** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 162/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Lê Hoài P do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Hoài P, sinh năm 1997, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị Công an thành phố Nha Trang khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đang bị tạm giam trong vụ án khác: Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Đặng Văn P**, Luật sư, Đoàn luật sư K: Có mặt;

- Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại:

1. Ông **Trần Đ**, sinh năm 1962: Vắng mặt;

2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967: Vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Biết ông Trần Đ là người chuyên thu mua, khai thác keo lấy gỗ và biết bà Mai Ngọc O có diện tích đất trồng keo tại xã D, huyện K

đã có thể thu hoạch được, Lê Hoài P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đ. Khoảng tháng 7/2017, P tìm gặp ông Đ tự giới thiệu là nhân viên của Công ty cây xanh, được giao nhiệm vụ bán keo trên đất trồng của Công ty. Do tin vào lời nói của P, ông Trần Đ đã nhiều lần đưa tiền cho P tổng số tiền 260.000.000đ để mua keo. Lần 1: P bán số keo trồng trên diện tích đất khoảng 2ha với giá 35.000.000đ, vợ chồng ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L đã đưa trước cho P 25.000.000đ; Lần 2: P bán số keo trồng trên diện tích đất khoảng 3ha với giá 55.000.000đ, vợ chồng ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L đã đưa hết cho P số tiền này; Lần 3: P bán số keo trồng trên diện tích đất khoảng 5ha với giá 170.000.000đ, vợ chồng ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L đã đưa tiếp cho P số tiền này và 10.000.000đ còn thiếu của lần mua trước. Tuy nhiên, toàn bộ số keo trồng trên diện tích đất P bán cho ông Đ không phải của P mà là của ông Lương N, bà Mai Ngọc O và của ông Cao Bá N. Sau khi đưa tiền cho P, ông Đ, bà L chưa thu hoạch keo và phát hiện P lừa đảo nên đã yêu cầu P trả lại tiền. Tháng 10/2017, P trả lại cho ông Đ 131.500.000đ, sau đó cắt liên lạc với ông Đ. Quá trình điều tra, bị cáo tiếp tục trả cho bị hại số tiền 128.500.000đ và được bị hại xin giảm hình phạt.

Tại bản án sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Lê Hoài P 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Ngoài ra bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, bị cáo, bị hại đều có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại đúng như nội dung bản án sơ thẩm.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo cho là bản án sơ thẩm đã kết tội bị cáo đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

Tại đơn kháng cáo và đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại cho là bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại đã có đơn bãi nại cho bị cáo nên mức án sơ thẩm tuyên với bị cáo là nặng và đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thu thập. Có đủ cơ sở xác định bị cáo đã nhiều lần có hành vi gian dối chiếm đoạt của bị hại

số tiền 260.000.000đ (tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nhưng sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại bãi nại xin giảm hình phạt nên bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự là đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xem xét, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, bị hại là không có cơ sở để chấp nhận; Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 139, Điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: Lê Hoài P 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Vụ GDKT 1;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- TAND huyện Diên Khánh;
- Cục THA DS huyện Diên Khánh;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Nghĩa

